

Số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 4 - 2021

(V/việc ly hôn, giao nuôi con).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Xuân Đàm

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền và bà Nguyễn Thị Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan, thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2020 về việc “xin ly hôn và giao quyền trực tiếp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Su N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

- Theo chị Đặng Thị Su N (nguyên đơn) trình bày: Chị N và anh Nguyễn T trên cơ sở yêu nhau tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Phong Điền theo giấy chứng nhận kết hôn số 76, ngày 11 tháng 11 năm 2004.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có công việc ổn định, chị N thì buôn bán ở chợ kiếm sống qua ngày còn anh T không có việc làm nên thường nhậu nhẹt say sưa, không hỗ trợ được gì cho gia đình. Mỗi lần anh T nhậu say thì vợ chồng lại cãi vã to tiếng với nhau, có lần đã xảy ra đánh đập nhau phải nhờ Công an xã can thiệp. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không tháo gỡ

được nên chị N đã về sống tại nhà mẹ đẻ từ tháng 01/2020 và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Sau thời gian sống ly thân, chị N đã suy nghĩ và nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt nhiều lần, mặc dù đã cố gắng chịu đựng để hàn gắn nhưng anh T vẫn không thay đổi và chị N có cảm giác là anh T thực sự không muốn hàn gắn nên chị N quyết định nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con, chị N trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Pháp Trường C, sinh ngày 26/8/2005 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 15/01/2007 hiện ở cùng mẹ. Trên cơ sở nguyện vọng của các con, chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cả hai con đến trưởng thành và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Sau khi Tòa án yêu cầu cung cấp chứng cứ về tài sản chung và nợ chung thì chị N đã nộp đơn rút yêu cầu chi tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu này.

- Đối với bị đơn - Anh Nguyễn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho anh T thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn không có mặt mà không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử.

Qua xác minh tại Công an xã và Hội phụ nữ xã P biết: Anh Nguyễn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã P. Hiện tại anh T có mặt tại địa phương. Về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị N đã xảy ra nhiều năm, vợ chồng thường xảy ra xô ẩu đánh đập nhau, Công an xã đã nhiều lần can thiệp giáo dục nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nguyên nhân là do anh T thường nhậu say sưa rồi gây gỗ đánh đập chị N. Để bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn thủ tục tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đặng Thị Su N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn T và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cả 02 con; Về cấp dưỡng, chị N yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Đối với Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót gì cần kiến nghị khắc phục.

- Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo, quyết định tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhiều lần nhưng vẫn không có mặt và không rõ lý do nên được coi là đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã kéo dài nhiều năm và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay là đã đến mức trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị cho chị N được ly hôn với anh T. Về con chung và cấp dưỡng: Xét yêu cầu của chị N là có cơ sở, phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Các vấn đề khác, đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra thẩm vấn công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị Su N và anh Nguyễn T được UBND xã P, huyện Phong Điền đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; Vì vậy, chị N có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình. Mặt khác, các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế nên việc Tòa án huyện Phong Điền thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị N là phù hợp với khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc anh T là bị đơn, đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, nhưng cả hai lần Tòa án tiến hành phiên họp thì anh T đều vắng mặt không rõ lý do và Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh T thủ tục tham gia phiên tòa 02 lần, nhưng cả 02 lần khai mạc phiên tòa anh T đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Chị N xin ly hôn vì anh T không có trách nhiệm đối với vợ con, không chịu tìm kiếm việc làm mà thường nhậu nhẹt say xỉn rồi gây gổ đánh đập chị N. Mặc dù chị N đã cố chịu đựng thời gian dài nhưng anh T vẫn không thay đổi.

Lời trình bày của chị N không bị anh T phản đối và phù hợp với kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nên được coi là sự thật. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tích cực khuyên can nhưng chị N vẫn cương quyết xin ly hôn. Qua đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị N

yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị N xác nhận vợ chồng có 02 con chung, Trên cơ sở nguyện vọng của hai con đều muốn ở với mẹ và chị N cũng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cả 02 con, Hội đồng xét thấy:

Về quyền trực tiếp nuôi con thì cả bố và mẹ đều có quyền trực tiếp nuôi con như nhau. Tuy nhiên, để giao con cho bên nào nuôi phải xem xét nhu cầu của con; Điều kiện và khả năng của mỗi bên có đảm bảo quyền lợi của con được phát triển toàn diện về mọi mặt, kể cả trước mắt và lâu dài hay không.

Xét thấy, anh T thường nhậu nhẹt say xỉn và có hành vi bạo lực với vợ; anh T cũng không có yêu cầu xin nhận quyền trực tiếp nuôi con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N là giao cả 02 con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến trưởng thành đồng thời phù hợp với nguyện vọng của các con đều muốn được ở với mẹ.

Về cấp dưỡng: Xét chị N yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với nhu cầu tối thiểu của các con và phù hợp với mặt bằng mức sống tại địa phương nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản và nợ chung, đương sự không có yêu cầu nên không xét.

Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 179; Điều 207, 208; Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đặng Thị Su N với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Su N được ly hôn với anh Nguyễn T;
2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị Su N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung là cháu Nguyễn Pháp Trường C, sinh ngày 26/8/2005 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 15/01/2007 (hiện đang ở với mẹ) kể từ ngày tuyên án đến khi con đủ 18 tuổi;

Anh Nguyễn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn T có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ kể từ tháng 5/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Trường hợp anh Nguyễn T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Thị Su N phải nộp án phí ly hôn là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng).

Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000.đ theo phiếu thu số 0001006 ngày 05/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền nên được khấu trừ là đủ không phải nộp thêm.

Anh Nguyễn T phải nộp án phí cấp dưỡng 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng).

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với người vắng mặt thì kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Xuân Đàm